

NHỮNG CẢN ĐƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI:

PHÊ BÌNH CỦA PHẬT GIÁO VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI VÀ TOÀN CẦU HÓA

GSTS. K.T.S. Sarao *
Nguyễn Đình dịch

Từ “*phát triển bền vững*” đã trở nên phổ biến rộng rãi sau khi được sử dụng trong báo cáo năm 1987 của Ủy ban Thế giới Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển, *Tương lai chung của chúng ta*, thường được gọi là Báo cáo Brundtland. Trong báo cáo này, sự cần thiết cho việc kết hợp giữa phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ công bằng xã hội và hòa nhập được giới thiệu lần đầu tiên. Định nghĩa *Phát triển bền vững* trong báo cáo Brundtland được sử dụng nhiều nhất là: **“Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của thế hệ tương lai để đáp ứng nhu cầu của họ”** (Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển: Chương 2). Tiếp theo hội nghị *Rio +20* (với *Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển*) và tài liệu đúc kết được gọi là *Tương lai chúng tôi muốn*, *Chương trình nghị sự 21*, và *Kế hoạch Johannesburg về Thực thi* (JPOI), *Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc* (ECOSOC) đã đóng vai trò quan trọng trong việc huy động, tạo điều kiện hợp tác khuôn khổ LHQ để đảm bảo rằng các chuyên viên, chương trình, nguồn lực hỗ trợ chiến lược toàn cầu, khu vực và quốc gia đều nhằm đến các khối xây dựng phát triển bền

(*) Department of Buddhist Studies, Delhi University, India

vững. Nếu xem xét các mối quan tâm nêu lên bởi Hội đồng ECOSOC, có thể nói rằng xã hội loài người ngày nay đang đi dần về ngày tận thế, chủ yếu bởi vì nó đã đi theo những gì Phật giáo gọi là con đường sai lầm (agatigamana) để phát triển. Một e ngại như vậy cũng được nói lên trong cuốn sách nổi tiếng *Các giới hạn tăng trưởng* xuất bản năm 1972. Cuốn sách này kiểm tra năm biến số (dân số thế giới, công nghiệp, ô nhiễm, sản xuất lương thực, và cạn kiệt tài nguyên) trên mô hình máy tính về tăng trưởng kinh tế và dân số theo cấp số nhân với nguồn cung cấp tài nguyên hữu hạn. Những phát hiện được tìm ra là ngay cả khi nguồn tài nguyên mới được khai thác trong thời gian tới, dự trữ hiện tại thay đổi, các nguồn lực vẫn hữu hạn và cuối cùng sẽ bị cạn kiệt. Cuốn sách dự báo rằng những thay đổi trong sản xuất công nghiệp, sản xuất lương thực, và ô nhiễm đều đi dần đến sự sụp đổ kinh tế và xã hội sẽ diễn ra trong thế kỷ hai mươi mốt (xem Meadows và Meadows năm 2004; Hecht 2008). Cuộc khủng hoảng này chính xác như thế nào khi loài người phải đối mặt? Ai và những gì phải chịu trách nhiệm? Làm thế nào điều này có thể tránh được? Quan điểm Phật giáo về cuộc khủng hoảng đó là gì? Một nỗ lực được thực hiện trong bài viết này để tìm câu trả lời cho những câu hỏi trên.

Ở chủ nghĩa tư bản hiện đại, trong đó giá trị đạo đức không được xem là quan trọng vì bị kiểm soát và điều hành bởi chủ nghĩa tiêu thụ và các thương gia. Trong hệ thống như vậy mục tiêu công khai của các tổ chức tài chính là kiếm tiền cho chính họ, điều mà các nhà kinh tế học gọi là *tối đa hóa lợi nhuận* nhưng luôn biến hóa thành chiếm đoạt quyền sở hữu của cải. Tuy nhiên, như đã chỉ ra bởi Amartya Sen, “một sự rời xa tối đa hóa lợi nhuận không nhất thiết là điều lành, cũng như các tình cảm đạo đức không luôn luôn là cao quý. Một số điều man rợ tồi tệ nhất trên thế giới đương đại đã được thực hiện bởi những kẻ phân biệt chủng tộc hiện mình hầu làm hại một số người khác, thậm chí với chi phí lớn hoặc rủi ro cho bản thân họ. Trên thực tế, quá trình này vẫn tiếp tục hiện nay với sự kiên trì không ngừng... Sự từ bỏ cuộc sống chỉ vì mình có thể đi đôi với bạo lực nhằm đạt đến lợi ích cho một nhóm hay cộng đồng (nhưng loại trừ những người khác), và ngay cả với sự cố ý gây thiệt hại trên một nhóm hoặc cộng đồng khác” (1997 : 6). Sản xuất và phân phối hàng hóa được độc quyền bởi các tổ chức lớn và thông qua việc sử dụng phương tiện thông minh tạo

ra ham muốn vô độ cho quần chúng nhằm sở hữu nhiều hơn và nhiều hơn nữa. Quảng cáo và áp lực tâm lý dưới những hình thức khác nhau được sử dụng để tăng cường sự thèm muốn tiêu thụ tối đa và lối sống tiêu thụ quá lộ đang được quảng bá rầm rộ. Khách hàng bị dụ dỗ mua hàng càng nhiều càng tốt, bất kể họ có cần hay không hay liệu có đủ tiền để trả. Do đó, mọi thứ được mua không phải vì người ta cần dùng mà vì lòng ham muốn chúng. Trong thực tế, xã hội tiêu dùng được đặc trưng bởi niềm tin tưởng rằng việc sở hữu nhiều thứ là phương tiện chính để đạt hạnh phúc; do đó, tiêu thụ được chấp nhận “như một cách tự phát triển, tự thực hiện, và tự hoàn thiện” (Benton 1997: 3).

Trong thực tế, chủ nghĩa tiêu thụ đã ăn sâu vào cuộc sống hiện đại mà các học giả như David Loy (1997 : 283) xem nó là một tôn giáo thế giới mới có quyền lực nằm trong kỹ thuật chuyển đổi cực kỳ hiệu quả. Tôn giáo này, theo Loy, hoạt động trên nguyên tắc không những tăng trưởng và tăng cường thương mại thế giới sẽ có lợi cho tất cả, mà tăng trưởng cũng sẽ không bị hạn chế bởi các giới hạn vốn có của một hành tinh hữu hạn. Sai lầm cơ bản là nó làm cạn kiệt hơn là xây dựng “vốn đạo đức” (Loy 1997: 283). Như đã chỉ ra bởi Erich Fromm, hệ thống kinh tế hướng về lợi nhuận không còn được xác định bởi câu hỏi: Điều gì tốt cho con người? mà được xác định với câu hỏi: Điều gì tốt cho sự phát triển của hệ thống? Hơn nữa, tiêu thụ có tính cách mập mờ: Nó làm giảm lo lắng, bởi vì những gì người ta đã có không thể bị lấy đi, nhưng nó cũng đòi hỏi người đó ngày càng tiêu thụ hơn nữa, bởi vì tiêu thụ trước đó đã hoàn tất sự thỏa mãn. Trên thực tế, hệ thống hướng về lợi nhuận toàn cầu hóa này hoạt động trên nguyên tắc rằng tính vị kỷ, ích kỷ, tham lam là điều kiện tiên quyết cơ bản cho sự hoạt động của hệ thống; và sẽ dẫn đến sự hòa hợp, hòa bình. Tuy nhiên, tính vị kỷ, ích kỷ và tham lam không phải là bản sinh trong bản chất con người cũng như không được thúc đẩy bởi nó. Chúng đa phần là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội. Hơn nữa, tham lam và hòa bình loại trừ lẫn nhau (Fromm 2008: 5-8, 23). Từ quan điểm Phật giáo, sản xuất nhiều của cải vật chất, tiêu thụ nhiều và lòng thèm muốn (taṇhā) không nhất thiết dẫn đến gia tăng hạnh phúc. Đạo Phật dạy rằng để đi đến giai đoạn cao nhất của phát triển con người, người ta không khao khát sở hữu. Hơn nữa tác động của chủ nghĩa tiêu thụ lên tâm lý và tinh thần của người tiêu dùng đi ngược lại với sự bền vững môi trường, đặc

biệt là sự mất mát quan trọng của nhận thức về thế giới tồn tại bên ngoài lĩnh vực hàng tiêu dùng.

Như đã chỉ bởi Fritjof Capra, “nỗi ám ảnh của chúng ta về tăng trưởng kinh tế và hệ thống giá trị cơ bản đã tạo ra môi trường vật lý và tinh thần; trong đó cuộc sống trở nên cực kỳ không lành mạnh. Có lẽ khía cạnh bi thảm nhất của cảnh tiến thoái lưỡng nan xã hội này là hệ thống kinh tế đang gây ra mối nguy hiểm cho sức khỏe không chỉ bởi quá trình sản xuất mà còn do tiêu thụ nhiều hàng hóa được làm ra; rất nhiều quảng cáo để duy trì tăng trưởng kinh tế” (1983: 248). Tương tự như vậy, Erich Schumacher, tác giả sách *Nhỏ là đẹp*, đã cảnh báo thái độ sống tìm cách theo đuổi đến cùng của cải, có nghĩa là chủ nghĩa vật chất không phù hợp với thế giới này, bởi vì nó không bao hàm nguyên tắc hạn chế, trong khi môi trường sinh sống bị giới hạn nghiêm ngặt. Thái độ như vậy, ông chỉ ra, mang trong nó những hạt giống của sự hủy diệt. Thái độ duy vật chất là con quái vật của đạo đức, tinh thần và siêu hình vì “tiến hành các hoạt động kinh tế của con người như người ta thực sự không lo lắng gì cả. Một hệ thống hoàn toàn mới của tư tưởng dựa trên sự chú ý đến con người thay vì hàng hóa là cần thiết. Nó có thể được tóm gọn trong cụm từ “sản xuất của quần chúng, chứ không phải là sản xuất hàng loạt” (Schumacher 1973 : 17-18, 56, 119). Kết quả cuối cùng của việc này là chúng ta cần phải xem xét nghiêm túc không chỉ thái độ và lối sống của chúng ta mà ngay cả chính sách chi phối việc sử dụng nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo, khoa học và công nghệ, quy mô cũng như định hướng của công nghiệp hóa.

Ngoài sự thực là các nước phát triển chủ yếu thông qua công ty đa quốc gia, các tổ chức tài chính và pháp lý toàn cầu tiếp tục khai thác các nước đang phát triển. Một trong những lỗ hổng lớn của hệ thống tiêu dùng toàn cầu hóa hiện nay là nó **thúc đẩy cạnh tranh hơn hợp tác**. Thái độ cạnh tranh, thù địch hoặc cảm giác liên tục phải chống lại cái gì đó không chỉ tạo ra xung đột và sự oán giận mà còn gây tác dụng phụ không lành mạnh. Như Bertrand Russell một lần chỉ ra, “Điều duy nhất sẽ cứu nhân loại là hợp tác, và bước đầu tiên hướng tới hợp tác nằm trong trái tim của các cá nhân” (1954 : 204). Các cá nhân có kỹ năng hợp tác có nhiều sáng tạo hơn và tâm lý điều hòa tốt hơn. Ở cấp quốc tế, đối kháng lẫn nhau giữa

các quốc gia có kết quả không chỉ trong việc hàng tỷ đô la bị lãng phí mỗi năm, trong việc sản xuất vũ khí mà còn một mảnh lớn nguồn nhân lực khoa học công nghệ bị hướng vào công nghiệp chiến tranh. Đáng buồn thay, không chỉ các nhà kinh tế e ngại với thời gian khi chúng ta dừng lại vũ khí sản xuất, nhưng ngay “ý kiến cho rằng Nhà nước cần tạo ra nhà ở, những điều hữu ích và cần thiết khác cho dân chúng thay vì vũ khí, cũng dễ dàng bị buộc tội gây nguy hiểm cho tự do và sáng kiến cá nhân” (Fromm 1955: 5).

Như đã nêu trên, chủ nghĩa tư bản hiện đại kèm theo toàn cầu hóa gây nên sự tham lam và ích kỷ, thành công cá nhân được đánh giá cao hơn trách nhiệm xã hội. Các nhà lãnh đạo chính trị và giám đốc điều hành doanh nghiệp thường có những quyết định vì tư lợi. Hơn nữa, “công chúng cũng rất ích kỷ khi chỉ chú tâm đến vấn đề riêng tư mà ít chú ý đến những gì vượt qua lĩnh vực cá nhân... Do đó người mạnh mẽ, thông minh hơn, hoặc gặp may nhiều hơn ... cố gắng tận dụng lợi thế đối với những người yếu kém, hoặc bằng vũ lực và bạo lực hoặc bằng các đề nghị... Xung đột trong xã hội không thể biến mất khi tham lam ngự trị tâm hồn con người” (Fromm 2008: 10-11, 114). Một xã hội được thúc đẩy bởi tham lam mất khả năng nhìn thấy những điều trong lành và chúng ta không biết khi nào là đủ. “Niềm hy vọng chỉ theo đuổi sự giàu có mà không lưu tâm đến các câu hỏi tinh thần, đạo đức; chúng ta có thể thiết lập hòa bình trên trái đất,... là niềm hy vọng không thực tế, không khoa học, và không hợp lý... Những nền tảng của hòa bình không thể dựa trên nhu cầu lớn về tài nguyên thế giới hạn chế, và khiến cho giới giàu có va chạm không những với người nghèo (những người yếu đuối và kém tự vệ) mà còn với những người giàu khác” (Schumacher 1973: 18-19). Về vấn đề này, có thể nói Phật giáo xem lòng tham (tâm tham- *lobha*: Morris và Hardy 1995-1900: iv.96) và tính ích kỷ như những khổ đau hàng đầu (vị kỉ- *avaññattikāma*: Morris và Hardy 1995-1900: ii.240 iv.1 ; *asmimāna* Oldenberg 1879-1883 : i.3; Rhys Davids và Carpenter 1890-1911: iii.273; Trenckner và Chalmers 1888-1896: i.139, 425; Morris và Hardy 1995-1900: iii.85). Phật giáo không ngại sự giàu có và thịnh vượng miễn là chúng được mua và sử dụng phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Vấn đề thực sự nằm trong xu hướng con người đi tìm điều Đức Phật gọi là tham ái (taṇhā). Trong hệ thống kinh tế hiện nay, theo Schumacher, bất cứ điều gì không đem

đến *lợi nhuận (economic)* đều bị xóa sạch (1973 : 27). Theo quan điểm của Phật giáo, lợi nhuận một mình không thể là biện pháp đầy đủ cho một cái gì đó gọi là *kinh tế*. Ngoài việc tính đến lợi nhuận của một hoạt động, nhất định, ảnh hưởng của nó đối với con người và môi trường, bao gồm các cơ sở tài nguyên, cũng không kém phần quan trọng.

Một lỗ hổng khác của hệ thống người tiêu dùng toàn cầu hóa hiện nay là sự nở rộ phân chia giữa người giàu và người nghèo. Theo Báo cáo phát triển con người của Liên Hợp Quốc năm 1992, tỷ lệ người giàu chiếm 83% trên thế giới, còn tỷ lệ người nghèo chỉ chiếm 1.4% (xem Elgin 1993: 42). Sẽ không thực tế để mong đợi hòa hợp tinh thần, tâm lý và xã hội trong một thế giới vẫn còn chia rẽ vật chất như vậy. Là thành viên của một gia đình nhân loại chung, mỗi cá nhân phải có quyền dự phần một cách hợp lý vào các nguồn lực của thế giới, hầu thực hiện những nhu cầu cơ bản của mình; để chứng minh tiềm năng là một thành viên sản xuất và được tôn trọng trong gia đình toàn cầu. Điều này có nghĩa rằng, nhu cầu cấp thiết cho việc tiếp cận bình đẳng nguồn tài nguyên không chỉ giữa các quốc gia, mà còn giữa những con người không phân biệt giới tính và quốc tịch. Vì sự tuyệt vọng của người nghèo đã được xem là thuộc trách nhiệm ở mức độ nào đó từ việc lạm dụng các nguồn lực hạn chế. Cho nên bình đẳng kinh tế và công bằng xã hội rất quan trọng. Tuy nhiên, xã hội giàu có là vấn đề thực sự của thế giới ngày nay. Ví dụ, sự ra đời của một em bé Mỹ được ước tính như một mối đe dọa lớn hơn năm mươi lần cho môi trường, so với sự ra đời của một em bé Ấn Độ (Jones 1993: 14). Nghiên cứu cũng như các tài liệu đã chỉ ra rằng nạn đói thế giới gây ra bởi tình trạng khan hiếm lương thực là một huyền thoại, vì lương thực phẩm sản xuất trong thế giới hiện nay đủ cung cấp cho khoảng tám tỷ người với chế độ ăn uống đầy đủ. Nguyên nhân chính là kinh doanh nông nghiệp trên thế giới bị phá hỏng bởi sự bất bình đẳng (xem Capra 1983: 257-258). “Nếu không có cuộc cách mạng công bằng, thế giới sẽ gặp những cuộc xung đột kinh niên do cạn kiệt nguồn tài nguyên; điều này sẽ khiến những hợp tác khó có thể đạt mức độ cần thiết” (Elgin năm 1993 : 42). Về việc này, Phật giáo khuyến khích phân bố rộng nhu cầu cơ bản để không ai thiếu thốn, vì **thiếu thốn là nguyên nhân gốc rễ của xung đột xã hội**. Do đó, khi nói về nguyên nhân của xung đột xã hội, Đức Phật chỉ ra rằng,

“hàng hóa không làm cho sự nghèo khó cơ cực lớn hoành hành; do đói nghèo ngày càng tăng, trộm cắp hoành hành cũng tăng lên, do trộm cắp lây lan nên bạo lực tăng trưởng nhanh chóng, do bạo lực phát triển nên sự tàn phá của cuộc sống trở nên phổ biến” (Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : iii.67). Từ góc độ Phật giáo, một xã hội lý tưởng sẽ theo phương châm của hạnh phúc và phúc lợi cho số lượng tối đa người dân (bahujanahitāya bahujanasukhāya: Oldenberg 1879-1883 : i.21). Xã hội như vậy, người ta không tìm kiếm sự hài lòng của chính mình mà lại trở thành một nguồn đau khổ (aghabhūta) cho những người khác (Feer 1884-1898: iii.189). Tích trữ tài sản dưới mọi hình thức không được xem trọng trong Phật giáo (Morris và Hardy 1995-1900 : iii.222). Nếu người giàu sang hưởng thụ tất cả tài sản của mình bằng cách chỉ cho chính mình, nó sẽ là nguồn gốc thất bại cho anh ta (Fausböll 1985: 102). Trong thực tế, một người nào đó làm việc vì lợi ích của sự giàu có (dhanahetu, Fausböll 1985: 122), sự ham làm giàu (dhanatthiko, Fausböll 1985: 987 ; bhogatanhā, Sarao 2009: 355), hoặc tự hào về giàu sang, khoe khoang tài sản (dhanatthaddho, Fausböll 1985: 104) được coi là người thất bại, ngu dốt, làm hại chính mình và người khác. Như vậy, trong cách tiếp cận của Phật giáo về phát triển kinh tế xã hội, tiêu chuẩn chính trị hoạch định chính sách phải là hạnh phúc cho tất cả thành viên của xã hội như một đoàn thể, tức là sản xuất nên hướng tới phục vụ nhu cầu thực sự của người dân chứ không phải ngược lại.

Hệ thống hiện nay tin rằng thực hiện các nhu cầu vật chất của nhân loại sẽ dẫn đến hòa bình và hạnh phúc. Nhưng đây là quan điểm sai lầm. Fromm nói, một động vật hài lòng khi các nhu cầu sinh lý, cơn đói, cơn khát, nhu cầu tình dục được thỏa mãn vì được bắt nguồn từ các yếu tố sinh hóa học trong cơ thể, nhưng chúng có thể trở nên điên tiết nếu không được thỏa mãn. Vì con người cũng là động vật, những nhu cầu này cần được thỏa mãn; nhưng con người là con người, sự hài lòng những nhu cầu bản năng này không đủ làm cho người ta hạnh phúc, khi hạnh phúc phụ thuộc vào sự hài lòng của những nhu cầu và niềm đam mê đặc biệt của con người. Những nhu cầu thiết yếu mà nền văn minh hiện đại không đáp ứng là “nhu cầu liên hệ, siêu việt, sâu sắc, nhu cầu có một bản sắc, sự cần thiết cho một khung định hướng và sự đam mê” (Fromm 1955: 25, 28, 65, 67, 134). Theo quan điểm Phật giáo, vấn đề kinh tế và đạo

đức không thể tách rời nhau, bởi vì sự thỏa mãn chỉ các nhu cầu kinh tế nếu không phát triển tâm linh thì không bao giờ dẫn đến bình an trong quần chúng.

Bằng cách chỉ ra rằng sự theo đuổi thô bạo của sang trọng và phong phú là nguyên nhân gây đau khổ, Phật giáo khuyến khích kiềm chế, đơn giản và hài lòng. Cách sống thanh đạm bao trùm tiết chế tiêu thụ, ý thức mạnh mẽ bảo vệ môi trường, mong muốn quay trở lại với môi trường sống và làm việc vừa tầm con người, và ý định thực hiện những tiềm năng cao hơn - cả tâm lý lẫn tinh thần (Elgin và Mitchell 1970: 5). Lối sống đơn giản tỉnh thức sẽ tích hợp “các khía cạnh bên trong và bên ngoài của cuộc sống thành một hữu cơ để.... bề ngoài đơn giản hơn và bên trong phong phú hơn” (Elgin, 1993: 25). Đơn giản tỉnh thức là điều cần thiết để đạt phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề toàn cầu của ô nhiễm môi trường, khan hiếm tài nguyên, bất bình đẳng kinh tế xã hội, và các vấn đề vật chất hay tinh thần của sự tha hóa, lo lắng, và lối sống thiếu ý nghĩa. Do đó, điều cần thiết hiện nay cho các nước phát triển là làm theo những gì Arnold Toynbee gọi là *Luật Đơn giản từng bước* tức là, bằng việc tiếp tục đơn giản hóa các mặt vật chất của cuộc sống và làm phong phú thêm các bên phi vật chất (1947 : 198). Theo quan điểm Phật giáo, đơn giản tỉnh thức là bằng lòng với rất ít (tri túc-saṃtuṭṭhi : Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : i.71 ; Trenchner và Chalmers 1888-1896 : i.13 ; Fausböll 1985: 265 ; Sarao 2009 : 204 ; Morris và Hardy 1995 -1900 : ii.27, 31, ii.219), tránh lãng phí, tức là tính ham muốn ít (thiểu dục-appicchātā : Oldenberg 1879-1883 : III.21 ; Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : iii.115 ; Trenchner và Chalmers 1888-1896 : i.13 ; Feer 1884-1898 : ii.202). Hài lòng được xem trong Phật giáo là sự giàu có tốt nhất (saṃtuṭṭhiparamaṃ Dhanam, Sarao 2009: 204), là tình trạng tinh thần của một người hài lòng với những gì hiện đang có hoặc với vị trí hiện nay (saṃtussamāno itarītareṇa : Fausböll 1985: 42).

Như đã chỉ ra bởi Karl Marx, “tài sản cá nhân đã làm cho chúng ta thật ngu ngốc và phiến diện, khi chỉ xem một sự vật là của chúng ta, khi nó là tư bản làm vốn cho chúng ta... Như vậy tất cả cảm quan và trí tuệ đã được thay thế bằng ý thức sở hữu “ (Bottomore, 1963 : 159). Con người tìm cách chiếm hữu mọi thứ, bao gồm tài sản vô ích, bởi chúng “trao địa

vị cho chủ chúng” (Fromm 1955: 133). Theo Fromm, *Cách tồn tại sở hữu* trong quan hệ với thế giới là một trong những cách sở hữu và chiếm hữu, xem tất cả mọi người và tất cả mọi thứ như tài sản cần được chiếm đoạt. Các yếu tố cơ bản trong mối quan hệ giữa cá nhân ở chế độ này là đối thủ cạnh tranh, đối kháng, và sợ hãi. Trong chế độ như vậy, một người hạnh phúc khi vượt trội hơn những người khác, có quyền lực và khả năng để chinh phục, cướp, giết người. Sự cần thiết chiếm hữu cũng được thúc đẩy bởi lòng mong muốn sống còn do sinh học quy định. Cho dù chúng ta có hạnh phúc hay không, cơ thể chúng ta thúc đẩy chúng ta phấn đấu cho sự bất tử. Nhưng vì chúng ta biết chúng ta sẽ chết, nên chúng ta tìm kiếm các giải pháp làm cho chúng ta tin rằng, bất chấp bằng chứng qua thực nghiệm, chúng ta là bất tử. Sự nguy hiểm của chế độ sở hữu là ngay cả khi tình trạng phong phú tuyệt đối có thể đạt được, những người có ít sức khỏe thể chất hơn và sức hấp dẫn, quà tặng, tài năng, đều ghen tị với những người sở hữu nhiều hơn (Fromm 2008: 66-67, 91 -92). Ngược lại, trong *Cách tồn tại hiện hữu*, một người hạnh phúc nằm trong sự nhạy cảm và quan tâm đích thực những gì liên quan đến thế giới, lòng yêu thương, chia sẻ, hy sinh, và hiến tặng. Sự khác biệt giữa hai chế độ tồn tại này là trong khi *chế độ sở hữu* tập trung vào chủ thể người, *chế độ hiện hữu* tập trung vào những giá trị của cuộc sống (Fromm 2008 : 15, 21, 66).

Hiện có một nhu cầu cấp thiết là cần đánh động mọi người nhạy cảm với thực tế của sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa tất cả sinh vật sống, kể cả con người và tài nguyên. Trái đất không chỉ đầy ắp cuộc sống nhưng có vẻ là một sinh vật có quyền sinh sống theo cách riêng của mình. Như đã chỉ ra bởi Capra, tất cả những gì sống trên trái đất, cùng với bầu khí quyển, đại dương và đất đai, tạo thành một hệ thống phức tạp có tất cả mô hình đặc trưng của sự tự tổ chức. Trái đất là hệ thống sống, nó vận động không giống như cơ thể sinh vật nhưng thực sự có vẻ là một sinh vật Gaia, một loại hành tinh sống (Capra 1983: 284-285). Tuy nhiên, như đã chỉ ra bởi Carolyn Merchant, “Chùng nào trái đất còn sống và nhạy cảm, mọi hành vi phá hoại chống lại nó có thể được coi là vi phạm đạo đức con người” (Merchant 1980: 3). Nhưng với sự biến mất của những hạn chế văn hóa, người tiêu dùng toàn cầu hóa nhân danh tiến bộ kiến thức, tăng trưởng kinh tế, hoặc tiến bộ công nghệ đã trở thành kẻ lạm dụng trái đất. Một nghiên cứu trên phạm vi rộng, khách quan, với nhiều tài liệu và giá

trị cho thấy rằng mỗi sinh vật sống có vị trí của nó trong sinh quyển, theo đó nó đóng vai trò độc đáo là một phần của sự cân bằng tập thể. Từ góc độ Phật giáo, không chỉ cuộc sống vốn đã có giá trị, mà con người và các hình thức khác của cuộc sống cũng phụ thuộc lẫn nhau và tương tác. Như vậy, thiên nhiên và nhân loại trên một mặt; con người đối với nhau trên mặt khác được xem là cùng có trách nhiệm với nhau. Một thực thể sống động không thể tự cô lập từ mối quan hệ nhân quả này cũng như không có một bản chất riêng của mình. Nói cách khác, nó là một phần của Lý Duyên khởi (Paticcasamuppada), con người ảnh hưởng đến môi trường không chỉ thông qua các khía cạnh hoàn toàn vật lý của hành động, mà còn thông qua các phẩm chất đạo đức và vô đạo đức của hành động đó. Do đó người ta cho rằng, nếu một vị vua và thần dân của mình hành động sai trái, điều này ảnh hưởng xấu đến môi trường và các vị thần thánh, dẫn đến ít mưa, cây trồng xác xơ, dân chúng nghèo nàn, chết yểu (Morris và Hardy 1995-1900 : ii 0,74-76). Thông điệp này cũng là ngụ ý mạnh mẽ của Aggañña Sutta của Digha Nikaya (Trường bộ kinh 27 – Khởi thế nhân bản) (Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : iii.80 -98) trong đó cho thấy thiên nhiên bắt đầu dồi dào nhưng sau đó trở nên ít đi khi con người bắt đầu tham lam. Khi họ bắt đầu thu hoạch lúa nhiều hơn so với cần thiết, cây lúa tự nhiên không thể phát triển nhanh chóng. Điều này đòi hỏi phải trồng trọt nhiều hơn, từ đó đất đai được phân chia cho tư nhân, và quyền sở hữu tư nhân phát sinh. Nguồn gốc của sở hữu tư nhân đã trở thành gốc rễ của những căn bệnh kinh tế xã hội khác nhau. Vì vậy, theo quan điểm Phật giáo, không đáng ngạc nhiên khi phong cách người tiêu dùng hiện đại “bị từ chối bởi nó được xem như một hình thức của cuộc sống bóc lột cảnh quan và gây thiệt hại không thể khắc phục cho môi trường trong thời gian ngắn” (Lancaster 2002: 1-2).

Cũng như nghèo đói là nguyên nhân của nhiều tội phạm, sự giàu có cũng phải chịu trách nhiệm về những căn bệnh loài người. Phật giáo nhìn của cải vật chất chỉ được dùng để đáp ứng nhu cầu cơ bản và phải kiếm được bằng phương cách đứng đắn, đạo đức. Lòng rộng lượng (bố thí- *dāna*) và san sẻ (*cāga*) luôn được liên kết trong Phật giáo với đức hạnh (Sarao 2009 : 177). Hơn nữa, bằng cách này con người thoát khỏi tham lam, ích kỷ (bùn xỉn - *macchariya*) và tránh được nhiều điều xấu khác vì “khi san sẻ, một người sẽ có nhiều bạn bè hơn” (Fausböll 1985:

187; Morris và Hardy 1995-1900 : v.40 iii.273,. 209 ; Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : iii.234). Rộng lượng là một trong những phẩm chất quan trọng làm nên con người cao quý (Morris và Hardy 1995-1900 : iv.218). Đức Phật so sánh người kiếm được sự giàu sang một cách đúng đắn và chia sẻ với những người nghèo như một người có cả hai mắt, trong khi người kiếm được sự giàu sang nhưng không chia bớt để có công đức giống như người một mắt (Morris và Hardy 1995-1900 : i,129-130). Nói cách khác, để xây dựng xã hội lành mạnh, sự hào phóng và rộng lượng phải được bồi dưỡng như trụ cột nền tảng của nó.

Tránh phung phí là khía cạnh quan trọng của phép tu Phật giản dị. Cách tham ăn trái thị (udumbarakhādika) bị Đức Phật chỉ trích (Feer 1884-1898 : iv.283), là phương pháp lắc xuống bữa bãi một số trái cây từ cây và để ăn số ít, cũng giống như phương pháp đánh cá bằng lưới kéo trôi dạt, nơi mà đời sống thủy sinh bị phá hủy nhiều hơn sử dụng. Nhân loại không thể tiếp tục tiêu thụ tài nguyên hạn chế của hành tinh với tốc độ đã trở thành quen thuộc. Thông qua việc mở rộng không kiểm chế, nền kinh tế không chỉ hấp thụ vào bản thân ngày càng nhiều các tài nguyên của hệ sinh thái vô cùng mong manh và hữu hạn, mà còn là gánh nặng cho hệ sinh thái vì nạn rác thải. Dân số tăng lên, áp lực lên môi trường cũng tăng theo đến mức độ nguy hiểm hơn. Năm 1930 dân số thế giới là hai tỷ người, năm 1975 và năm 2000 nó đã đi lên đến bốn tỷ và sáu tỷ người. Nó có thể sẽ nhích qua mười tỷ vào năm 2025! Bùng nổ dân số quét sạch những gì đạt được trong việc nâng cao mức sống. Các giải pháp cơ bản là phải thay đổi mạnh mẽ và nhanh chóng thái độ con người, đặc biệt là những liên quan đến sinh sản, tăng trưởng kinh tế, công nghệ, môi trường và giải quyết xung đột. “Có đủ lương thực để nuôi sống mọi người được ăn uống đầy đủ nếu thực phẩm được phân phối theo nhu cầu. Nhưng hiện nay không có dấu hiệu gì cho thấy một sự phân phối theo nhu cầu” (Ehrlich và Ehrlich 2009 : 67). Theo nhận xét của Stephanie Kaza, tác động môi trường tăng tốc bằng những con số tăng nhanh dân số, công nghệ ngày càng hiệu quả, và mức tiêu thụ vượt quá khả năng của hành tinh. Nếu có một trong những yếu tố trên được giảm, tác động sẽ giảm xuống; và nếu một hoặc cả ba yếu tố đều tăng, tác động sẽ tăng lên, trong một số trường hợp rất đáng kể (năm 2000 : 23).

Vì con người là những sinh vật xã hội tự nhiên đến với nhau vì mục đích chung, điều này có nghĩa là một trật tự xã hội theo nguyên tắc Phật giáo sẽ bao gồm chủ yếu các cộng đồng quy mô nhỏ với nền kinh tế địa phương, trong đó mỗi thành viên có thể đóng góp hiệu quả. Để đạt phát triển bền vững, những gì chúng ta cần nhất là giản lược và tinh giản biên chế. Chỉ với quy mô nhỏ, công nghệ đơn giản sẽ không tiêu hao nhiều tài nguyên thiên nhiên vì sản xuất nhằm mục đích chủ yếu tiêu thụ nội địa phương, do đó có liên hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng trực tiếp mặt đối mặt. Như Schumacher cho biết, công nghệ quy mô lớn là mất nhân tính và sai về đạo đức vì phản cảm và vô trách nhiệm, làm vai trò mỗi cá thể trở thành vô ích, bị tước đoạt, không có tiếng nói, bất lực, loại trừ, và tha hóa. “Trí tuệ đòi hỏi một định hướng mới của khoa học và công nghệ theo hướng hữu cơ, nhẹ nhàng, bất bạo động, thanh lịch và tươi đẹp” (Schumacher 1973: 20). Theo Phật giáo, mối quan hệ mới phải được thiết lập giữa con người và thiên nhiên, một sự hợp tác không bóc lột hay thống trị. Động lực của nền kinh tế như vậy cần phân biệt giữa tình trạng nghèo đói (*daliddatā*) (Feer 1884-1898 : v.100, 384, 404), vừa đủ (*yāpanīya*) (Oldenberg, 1879-1883 : i 0,59, 212, 253), và dư thừa (*accogāḷha*) (Morris và Hardy 1995-1900 : . iv.282). Cần có sự cân bằng giữa dư thừa vật chất và quá thiếu thốn, nghĩa là tránh chủ nghĩa duy vật chất vô cảm cũng như cảnh nghèo đói vô cùng, dẫn đến cách tiếp cận cân bằng hầu đạt một cuộc sống hài hòa thân tâm.

Áp dụng và thực hiện tinh thần cơ bản của Phật giáo Bát chánh đạo (*aṭṭhaṅgika - magga*) bao gồm tuệ giác (*paññā*), giới đức (*giới-sila*), và thiền định (*samādhi*) thật sự có thể đưa ra con đường dẫn đến phát triển bền vững. Chánh kiến (*Samma -ditthi*) và Chánh tư duy (*Samma- samkappa*) tạo thành trí tuệ ; Chánh Ngữ (*samma - vaca*), Chánh mạng (*Samma-kammanta*), và Chánh nghiệp (*Samma- ājīva*) cấu thành đạo đức; Chánh tinh tấn (*Samma - vāyāma*), Chánh niệm (*Samma- sati*), và Chánh định (*Samma- samādhi*) hình thành nên thực hành thiền định (Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : ii.311 -315). Bằng cách theo con đường này của trí tuệ, đạo đức và thiền định người ta có thể phát triển bên trong và sống giản dị. Đi theo con đường giác ngộ, con người có thể sống hài hòa (sống theo chánh pháp-Dhammacariya, sống với tâm bình đẳng-samacariya) (Trenchner và Chalmers 1888-1896 : i.289 ; Feer 1884-1898 : i.101) và

từ bi (Karuna) với “mong muốn loại bỏ những gì bất lợi cho người khác và bất hạnh của chính họ” (Fausböll 1985: 73). Đây là cơ sở của thế giới quan con người điều độ và cân bằng, tìm kiếm hòa bình nội tâm (an bình-ajjhattasanti, Fausböll 1985: 837), và niềm vui hưởng nội (ajjhatarata, Sarao 2009: 362 ; Rhys Davids và Carpenter 1890-1911 : ii.107 ; Feer 1884-1898 : v.263) qua việc tự kiểm chế, hạn chế nhu cầu của mình, tránh ham muốn (ussuka) (Sarao 2009: 199); bởi vì con người không đáng được tôn trọng nếu có những ghen tị, ích kỷ, và gian lận (issukī maccharī saṭho) (Sarao 2009 : 262).

Kết quả cuối cùng của các điều trên là bản chất xã hội hạnh phúc không nằm trong sự nhân lên mà là hạ xuống các điều mong muốn. Thật trái với Phật giáo nếu xem hàng hóa quan trọng hơn con người và tiêu thụ quan trọng hơn hoạt động sáng tạo. Mục đích như vậy đã được thực hiện rõ ràng trong **Tuyên bố Phật giáo xanh**, do các thành viên của cộng đồng Phật giáo quốc tế chuẩn bị để thảo luận tại Hội nghị Phật giáo thế giới (World Fellowship) Colombo (1980): “Chúng tôi tin rằng kể từ khi nguồn tài nguyên thế giới và hệ sinh thái không thể hỗ trợ tất cả dân tộc ở mức độ tiêu thụ như các quốc gia tiên tiến, những nỗ lực theo hướng công bằng toàn cầu phải được kết hợp với những nỗ lực theo hướng tự nguyện đơn giản, trong phong cách sống từng cá nhân và thông qua các chính sách dân chủ. Cơ cấu kinh tế khuyến khích sự tham lam hưởng thụ và sự tha hóa phải được thay đổi” Trừ khi chúng ta thực hiện sự thay đổi đáng kể trong mô hình tổng thể của suy nghĩ và cuộc sống, chúng ta sẽ sớm tạo ra một thế giới của sự đau khổ vô cùng và tàn phá. Theo đề nghị của Alan Durning, số phận của nhân loại liên kết với các lĩnh vực tự nhiên phụ thuộc vào chúng ta, những người tiêu dùng. Chúng ta có thể cắt giảm sử dụng những gì tiêu cực về mặt sinh thái và nuôi dưỡng nguồn lực sâu sắc, phi vật thể mang lại hạnh phúc: gia đình và các mối quan hệ xã hội, công việc có ý nghĩa, giải trí (Durning 1992). Để xây dựng tương lai bền vững, các thành viên giàu có của xã hội cần thực hiện những thay đổi lớn lao ở cấp độ tổng thể và mô hình tiêu thụ. Chúng ta phải chọn mức độ và hình thức tiêu dùng bền vững trên toàn cầu, tức là sử dụng nguồn tài nguyên của thế giới một cách khôn ngoan, không áp chế hệ sinh thái, tiêu thụ một cách tôn trọng những phần còn lại của cuộc sống trên hành tinh này. Đây là lúc mỗi người chúng ta phải lựa chọn lối sống vật chất đơn giản, hướng

nội, và thân thiện môi trường. **Vấn đề cơ bản là năng lực của trái đất hữu hạn để duy trì nền văn minh con người.** “Đạo đức xuống cứu đời” phải được thay thế bằng “đạo đức tâu vũ trụ trái đất”. Cuối cùng, có thể kết luận theo cách nói của Elgin:

“Để sống một cách bền vững, chúng ta phải sống hiệu quả - không định hướng sai hoặc lãng phí nguồn tài nguyên quý giá của trái đất. Để sống một cách hiệu quả, chúng ta phải sống hòa bình, biết rằng chỉ tiêu quân sự phí phạm các nguồn lực đáp ứng nhu cầu cơ bản. Sống hòa bình, chúng ta phải sống với mức độ hợp lý của công minh hoặc công bằng, vì không thực tế khi nghĩ rằng, một thế giới truyền thông phong phú, một tỷ hay nhiều người sẽ chấp nhận sống nghèo đói tuyệt đối trong khi tỷ người khác sống quá độ dễ dãi. Chỉ với sự công bằng hơn trong việc tiêu thụ nguồn tài nguyên thế giới chúng ta mới có thể sống hòa bình, và sống một cách bền vững như một gia đình nhân loại” (Elgin, 1993: 41-42).

THƯ MỤC THAM KHẢO

- Anonymous (Vô danh).1983. Thảo luận điểm cho dự án Đại học Liên hợp quốc về nhận thức của xã hội mong ước trong các tôn giáo và hệ thống đạo đức khác nhau - *Discussion Points for United Nations University Project on Perceptions of Desirable Societies in Different Religions and Ethical Systems.*
- Bottomore, T.B. (ed. and trans).1963. Các Mác: Những bài viết sớm - *Karl Marx:Early Writings.* New York: McGraw-Hill
- Capra, Fritjof. 1983. Bước ngoặt: Khoa học, Xã hội, và Văn hóa đang lên- *The Turning Point: Science, Society, and the Rising Culture.*Toronto: Bantam Books.
- Durning, Alan. 1992. Bao nhiêu là đủ? Xã hội tiêu thụ và Tương lai quả đất- *How Much is Enough?The Consumer Society and the Future of the Earth.* New York: W.W. Norton and Co.
- Ehrlich, P.R., Ehrlich, A.H. 2009. Thăm lại quả bom dân số - “Population Bomb Revisited,” *The Electronic Journal of Sustainable Devel-*

- opment*, 3 (1), accessed 23 December 2013 (<http://www.docstoc.com/docs/12166078/Population-Bomb-Revisited>)
- Ehrlich, P.R., Ehrlich, A.H., Holdren, J.P. 1977. Khoa học môi trường: Dân số, tài nguyên và môi trường- *Ecoscience: Population, Resources, and Environment*. San Francisco: W.H. Freeman.
- Elgin, D. 1993. Đơn giản tự nguyện : Hướng tới cách sống bề ngoài giản dị, bên trong phong phú- *Voluntary Simplicity: Toward a Way of Life that is Outwardly Simple.Inwardly Rich*, rev. ed., New York: Quill.
- Elgin, D. and Mitchell, A. 1977. Đơn giản tự nguyện- “Voluntary Simplicity,” *CoEvolution Quarterly*. Summer, no. 14, June 21 1977: 4-19.
- Fausböll, V. (ed.). 1985. Tiểu bộ kinh Pali- *The Sutta-Nipāta*. London: Pali Text Society.
- Feer, M.L. (ed.). 1884-1898. Tương ứng bộ kinh Pali- *The Samyutta Nikāya*. 5 vols, London: Pali Text Society.
- Fromm, Erich, 1955. Xã hội Sane- *The Sane Society*. New York: Henry Holt and Company.
- Fromm, Erich. 2008. Sở hữu hay hiện hữu?- *To Have or To Be?* New York: The Continuum Publishing Company (originally published 1976).
- Goodwin, N.R., Ackerman, F., and Kiron, D. (eds.). 1997. Xã hội tiêu thụ- *The Consumer Society*. Washington: D.C.: Island Press.
- Hecht, Jeff. 2008. “ Tiên tri của sự sụp đổ kinh tế trở thành hiện thực- Prophecy of economic collapse ‘coming true’,” *New Scientist*, 17 November (www.newscientist.com/article/dn16058-prophecy-of-economic-collapse-coming-true.html#.UtYbRL7rZjo).
- Jones, Ken. 1993. Ngoài lạc quan : Một chính sách môi trường Phật giáo - *Beyond Optimism: A Political Buddhist Ecology*. Oxford: Jon Carpenter.
- Kaza, Stephanie. 2000. “Vượt qua quyền uy của tiêu dùng- Overcoming the Grip of Consumerism,” *Buddhist-Christian Studies*, vol. 20: 23-42.
- Kiyosaki, R. and Lechter, S. 1997. Chết giàu chết nghèo- *Rich Dad Poor Dad*. New York: Warner Books.
- Lancaster, L. 2002. “Các truyền thống Phật giáo trong thế giới đương đại : Lịch sử và phê bình, “ một bài phát biểu tại lễ khai mạc của Hội nghị quốc tế Trung hoa lần thứ tư về Phật giáo - *The Buddhist Traditions*

- in the Contemporary World: History and Critique,” a keynote speech made at the opening ceremony of the Fourth Chung-Hwa International Conference on Buddhism, January 18-20, 2002.
- Loy, David. 1997. “Tôn giáo của thị trường- The Religion of the Market,” *Journal of the American Academy of Religion*.65 (2): 275-290.
- Marx, K. and Engels, F. Tuyển tập- *Selected Works (1945-1849)*, vol. I. Marxist Internet Archive (www.marxists.org/archive/marx/works/sw/).Retrieved 15 January 2014.
- Meadows, D.H. and D.L.,*et al.* 2004. Những giới hạn của phát triển- *The Limits to Growth*.updated version, White River Junction, VT: Chelsea Green Publishing Company and Earthscan.
- Merchant Carolyn.1980. Cái chết của thiên nhiên- *The Death of Nature*. New York: Harper & Row.
- Morris, R. and Hardy, E. (eds.). 1995-1900. Tăng chi bộ kinh Pali- *The Āṅguttara Nikāya*.5 vols, London: Pali Text Society.
- Oldenberg, V. (ed.). 1879-1883. Tạng luật Pali- *The Vinaya Piṭaka*.5 vols, London: Pali Text Society.
- Payne, Richard K. (ed.). 2010. Bao nhiêu là đủ : Phật giáo, Tiêu thụ, và Môi trường nhân loại -*How Much is Enough?: Buddhism, Consumerism, and the Human Environment*. Somerville, MA: Wisdom Publications.
- Rhys Davids, T.W. and Carpenter, J.E. (eds.). 1890-1911. Trường bộ kinh Pali- *The Dīgha Nikāya*.3 vols, London: Pali Text Society.
- Russell, Bertrand.1954. Xã hội nhân bản trong Đạo đức và chính trị - *Human Society in Ethics and Politics*, London: George Allen & Unwin Ltd.
- Sarao, K.T.S. (trans). 2009. Kinh Pháp cú- *The Dhammapada: A Translator’s Guide*, New Delhi: Munshiram Manoharlal.
- Schumacher, E.F. 1973. Nhỏ là đẹp: Kinh tế lấy dân làm gốc- *Small is Beautiful: Economics as if People Mattered*.1999 print with commentaries, Point Roberts, WA: Hartley & Marks.
- Sen, Amartya. 1997. “Kinh tế, nguyên tắc kinh doanh và tình cảm đạo đức -Economics, Business Principles and Moral Sentiments,” *Business Ethics Quarterly*, vol. 7, no. 3, July 1997: 5-15.

- Sivaraksa, Sulak. 1992. Hạt giống hòa bình- *Seeds of Peace*. Berkeley: Parallax Press.
- Toynbee, Arnold. 1947. Một nghiên cứu lịch sử- *A Study of History*. vol. 1, New York: Oxford University Press.
- Trenckner, V. and Chalmers, R. (eds.). 1888-1896. Trung bộ kinh Pali- *The Majjhima Nikāya*. 3 vols, London: Pali Text Society.
- World Commission on the Environment and Development. 1987 (Ủy ban Thế giới về Môi trường và phát triển 1987). Tương lai chung của chúng ta [Báo cáo Brundtland]- *Our Common Future [The Brundtland Report]*. Oxford: Oxford University Press. (Also www.UN-documents.net. Retrieved 16.07.2013).
- World Fellowship of Buddhists. 1984 (Hội nghị Phật giáo thế giới 1984). Tuyên bố Phật giáo xanh- *Green Buddhist Declaration*. World Fellowship of Buddhists.